TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 – GIA LAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 122/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2026
V/v ly hôn giữa chị Thủy và anh Dũng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phối

2. Ông Nguyễn Tấn Bình

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Đức Phong là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 439/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh ngày 01/7/1978; Số căn cước công dân: 052178006783, ngày cấp: 16/9/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Tổ F, khu phố A, phường Q, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Ngọc D, sinh ngày 07/02/1977; Số căn cước công dân: 052077003227; ngày cấp: 26/5/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Tổ F, khu phố A, phường Q, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-11-2025, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Đặng Ngọc D kết hôn vào ngày 12/9/2003, có đăng ký kết hôn và được UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định cũ (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111, trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, từ đó vợ

chồng thường xuyên xích mích cãi nhau. Từ năm 2022 đến nay chị và anh D đã sống ly thân, phần ai nấy sống, không còn quan tâm, không còn chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh D đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, chị cũng không còn tình cảm gì với anh D nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh Đặng Ngọc D có một con chung tên là Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 29/8/2005, hiện sức khỏe con của chị vẫn bình thường, đã đủ tuổi thành niên nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Ngọc D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Đặng Ngọc D đến Tòa để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh D vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, do đó Tòa không lấy được lời khai của anh Đặng Ngọc D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Đặng Ngọc D; Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị T, là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13-01-2026. Anh Đặng Ngọc D, là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị T, căn cứ bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 12/9/2003 của UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai) cấp, căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Đặng Ngọc D là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D vì mâu thuẫn giữa chị và anh D đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2022, tình cảm không còn, không ai còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh D đến Tòa để khai báo, hòa giải tạo điều kiện cho anh D hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh D cố tình vắng mặt. Điều này thể hiện anh D thực sự không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến việc chị T yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh D không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, do đó hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị T và anh D có một con chung là Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 29/8/2005, hiện sức khỏe cháu T1 vẫn bình thường và đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị T là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Đặng Ngọc D.

2. Về nuôi con chung: Chị T và anh D có một con chung là Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 29/8/2005, hiện sức khỏe cháu T1 vẫn bình thường và đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005246 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Đặng Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Gia Lai;
- UBND P. Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai;
(ĐKKH số 111/12.9.2003 của UBND P. Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cũ).
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Kim Anh